

Số: 33/2022/QĐST- HNGĐ

V, ngày 20 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 41/2022/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Đỗ Đức N, sinh năm 1987; Nơi cư trú: thôn B, xã T, thành phố Phủ L, tỉnh H

- *Bị đơn*: Chị Mai Thuỳ D, sinh năm 1987; Nơi cư trú: thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh N.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 58; 81; 82; 83, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 352, 353, 357 và 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Đỗ Đức N và chị Mai Thuỳ D.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1. Về con chung:** Anh Đỗ Đức N và chị Mai Thuỳ D cùng xác nhận vợ chồng có một con chung: Cháu là Đỗ Trường G, sinh ngày 26/4/2013. Hiện nay cháu G đang ở cùng chị D. Anh N chị D thống nhất, thoả thuận sau khi ly hôn sẽ giao cháu Đỗ Trường G cho chị Mai Thuỳ D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đỗ Đức N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Mai Thuỳ D với số tiền là 1.000.000 ( một triệu nghìn) đồng/ 01 tháng. Kể từ

ngày 12 tháng 7 năm 2022 cho đến khi cháu Đỗ Trường G đủ 18 tuổi. Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ không trả hoặc chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Anh Đỗ Đức N và chị Mai Thuỳ D đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí ly hôn*: Anh Đỗ Đức N tự nguyện nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000<sup>d</sup> (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000<sup>d</sup> (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) mà anh Đỗ Đức N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003998 ngày 16/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh N.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh N;
- THA dân sự huyện V;
- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- UBND xã T, TP Phủ L, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Hà Thiện Thành**